

Số: **256/2020/DS-PT**

Ngày: 03/9/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng
góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Cùng các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Cua

Ông Lê Văn Phận

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa
án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kha – Kiểm
sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2020/TLPT-DS ngày 13/8/2020 về
tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2020/DS-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án
nhân dân huyện Bình Đại bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 198/2020/QĐ-PT ngày
24/8/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Âu Thị Kim T (TC), sinh năm: 1984

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Bà Kim T ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Đào C, sinh năm: 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:*

Đồng Thị T1, sinh năm: 1955 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Huỳnh Văn T, sinh năm: 1953

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Ông T ủy quyền cho bà Đồng Thị T1 tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền đề ngày 30/7/2019.

2. Huỳnh Thị Kim T2, sinh năm: 1978 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đồng Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2019, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm, chị Huỳnh Thị Đào C được nguyên đơn chị Âu Thị Kim T (TC) ủy quyền trình bày:

Chị Âu Thị Kim T (TC) có tham gia chơi trong dây hụi khui ngày 17/02/2016 âm lịch, dây 2, hụi tháng có mệnh giá 1.000.000 đồng, dây hụi có 35 phần, chị Kim T tham gia chơi 01 phần do bà Đồng Thị T1 làm chủ. Quá trình tham gia chơi hụi bà T1 chủ hụi có ghi giấy hụi với nội dung: tên hụi viên, mệnh giá hụi, ngày khui hụi, số phần hụi tham gia trong dây hụi, ngày giờ khui hụi, số điện thoại chủ hụi và photo phát cho mỗi hụi viên 01 tờ để biết và theo dõi. Chị Kim T tham gia chơi hụi nhưng do đi làm ăn xa nên gởi tiền qua tài khoản nhờ người khác đóng hụi dùm. Lúc ban đầu chị Kim T nhờ chị Huỳnh Thị Kim T2 đóng hụi dùm. Sau đó giữa chị Huỳnh Thị Kim T2 và bà Đồng Thị T1 chủ hụi có tranh chấp hụi với nhau, nên chị Kim T không nhờ chị Kim T2 đóng tiền hụi dùm mà gởi tiền qua tài khoản nhờ chị Đào C đóng tiền hụi dùm cho đến kỳ khui thứ 34 thì bà Đồng Thị T1 không giao tiền hụi hốt cho chị Kim T, bà T1 hẹn tháng 12 giao tiền hụi hốt cho chị Kim T, nghĩ tình xui gia chị Kim T đồng ý, nhưng sau đó bà T1 vẫn không giao tiền cho chị Kim T mà kéo dài đến nay. Dây hụi này mãi là vào ngày 17/11/2018 âm lịch. Bà T1 nói tiền hụi hốt của chị Kim T trong dây hụi này bà T1 đã giao tiền cho chị Huỳnh Thị Kim T2 nhận, chị Kim T không đồng ý với lời trình bày của bà T1. Do đó, Chị Âu Thị Kim T (TC) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Đồng Thị T1 và ông Huỳnh Văn T phải liên đới trả lại cho chị Kim T số tiền hụi là 34.000.000 đồng của dây hụi khui ngày 17/02/2016 âm lịch (Dây 2), không yêu cầu trả lãi suất.

Tại bản tự khai đề ngày 22/8/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện trong hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn bà Đồng Thị T1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T trình bày:

Bà hoàn toàn thừa nhận và thống nhất bà có làm chủ hụi của dây hụi khui ngày 17/02/2016 âm lịch (Dây 2), mệnh giá 1.000.000 đồng, dây hụi có 35 phần. Chơi hụi bà có photo và phát cho mỗi hụi viên một tờ giấy ghi hụi được đánh máy

với nội dung ghi tên hội viên, mệnh giá hội, ngày khai hội, số phần hội tham gia trong dây hội, ngày giờ khai hội, số điện thoại chủ hội. Hội viên tham gia chơi hội bà là chủ hội đều biết mặt hết riêng hội viên mang tên TC bà không biết mặt, bà chỉ biết mặt khi chị TC gặp bà đòi tiền hội. Trong danh sách hội viên có tên TC nhưng người đóng hội là chị Huỳnh Thị Kim T2 từ lần khai đầu đến lần khai thứ 30, từ lần khai thứ 31 trở đi chị Huỳnh Thị Đào C là người đóng hội cho bà. Tuy nhiên, dây hội này chị Huỳnh Thị Kim T2 là người bỏ thăm giá 310.000 đồng đã hốt hội ở lần khai thứ 07 ngày 17/9/2016 âm lịch, chị Thanh là người nhận tiền hội hốt trực tiếp số tiền 29.860.000 đồng. Nay chị Âu Thị Kim T (TC) khởi kiện vợ chồng bà trả số tiền hội 34.000.000 đồng, bà không đồng ý vì dây hội này bà đã giao xong tiền hội hốt cho chị Huỳnh Thị Kim T2, chị TC có khởi kiện thì khởi kiện chị Huỳnh Thị Kim T2 đòi tiền hội, bà không có nợ tiền hội chị TC. Bà làm chủ hội có hưởng huê hồng, mục đích làm chủ hội là để lấy tiền huê hồng về phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt gia đình, chồng bà ông Huỳnh Văn T đều biết.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 23/8/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Kim T2 trình bày:

Dây hội khai ngày 17/02/2016 âm lịch (Dây 2), mệnh giá 1.000.000 đồng, dây hội có 35 phần chị có tham gia chơi hội trong dây hội này với tên hội viên là Thanh, số thứ tự ghi trong giấy hội là 11, chị tham gia chơi 01 phần và tham gia chơi cả 02 dây hội (Dây 1 và dây 2) khai cùng 01 ngày. Dây 2 khai ngày 17/02/2016 âm lịch mệnh giá 1.000.000 đồng, dây hội có 35 phần chị Âu Thị Kim T (TC) có tham gia chơi. Dây 2 hội viên mang tên TC số thứ tự 22 ghi trong giấy hội do bà T1 phát là của chị TC tham gia chơi hội, không phải phần hội của chị, vì ai chơi hội thì chủ hội ghi tên người đó. Do chị TC đi làm ăn xa nên chị TC lúc ban đầu có gởi tiền về cho chị để đóng hội dùm cho bà Đồng Thị T1. Chị không nhớ đóng dùm cho chị TC mấy kỳ hội, sau này do chị bệnh quên nhớ, nên chị TC nhờ chị Đào C là người tiếp tục đóng hội giùm cho chị. Chị không biết dây hội khai ngày 17/02/2016 âm lịch (Dây 2), chị TC đã hốt hội hay chưa nhưng chị có nghe cuộc nói chuyện giữa bà Đồng Thị T1 với chị TC, bà T1 nói chị TC hội đến ngày bung tô tháng 12 bà T1 sẽ giao tiền hội hốt. Bà T1 nói dây hội khai ngày 17/02/2016 âm lịch (Dây 2) chị là người nhận tiền hội hốt của chị TC là hoàn toàn không đúng, chị không có hốt phần hội này của chị TC mà chị hốt hội phần của chị tham gia chơi, chị cũng không có mượn phần hội của chị TC. Chị khẳng định phần hội chị TC tham gia chơi là của chị TC.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Đ đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án số 27/2020/DS-ST ngày 26/6/2020 Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre quyết định:

Căn cứ vào Điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều

267 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 14, 21, 29, 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, họ, họ, họ; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Âu Thị Kim T (TC) đòi bà Đồng Thị T1 và ông Huỳnh Văn T trả tiền nợ góp hui.

2. Buộc bà Đồng Thị T1 và ông Huỳnh Văn T phải có nghĩa vụ lên đới trả cho chị Âu Thị Kim T (TC) số tiền góp hui là 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng).

3. Ghi nhận chị Âu Thị Kim T (TC) không yêu cầu trả lãi suất của số tiền hui nêu trên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/7/2020 bà Đồng Thị T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Toà phúc thẩm, phía nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo pháp luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Chị Âu Thị Kim T yêu cầu vợ chồng bà Đồng Thị T1 và ông Huỳnh Văn T phải liên đới trả lại cho chị Kim T số tiền hui là 34.000.000 đồng của dây hui khai ngày 17/02/2016 âm lịch. Bà T1 không đồng ý với yêu cầu của chị Kim T vì bà đã giao xong tiền hui cho chị Huỳnh Thị Kim T2.

[2] Vào ngày 17/02/2016 âm lịch, chị Âu Thị Kim T có tham gia chơi do bà Đồng Thị T1 làm chủ hui, ngày 17/02/2016 âm lịch bà T1 mở hai dây hui, chị Kim T tham gia chơi một phần ở dây 2, hui 1.000.000 đồng, có 35 phần. Hui khai lần đầu vào ngày 17/02/2016 âm lịch. Bà T1 làm chủ hui có ghi giấy hui và phô tô giao cho hui viên để biết và theo dõi. Trong giấy ghi hui có các nội dung: tên hui

viên, mệnh giá hui, ngày khai hui, số phần hui tham gia trong dây hui, ngày giờ khai hui, số điện thoại chủ hui. Do chị TC đi làm ăn xa nên có nhờ chị Huỳnh Thị Kim T2 và chị Huỳnh Thị Đào C đóng tiền hui giùm. Đến kỳ khai thứ 34 thì bà Đồng Thị T1 không giao cho chị số tiền mà chị hót hui. Bị đơn bà Đồng Thị T1 thừa nhận và thống nhất bà có làm chủ hui của dây hui khai ngày 17/02/2016 âm lịch (Dây 2), mệnh giá 1.000.000 đồng, dây hui có 35 phần. Trong danh sách hui viên có tên TC, nhưng bà không biết mặt. Dây hui này chị Huỳnh Thị Kim T2 là người bỏ thăm giá 310.000 đồng đã hót phần hui ở lần khai thứ 07 ngày 17/9/2016 âm lịch, chị Kim T2 là người nhận tiền hót hui trực tiếp với số tiền 29.860.000 đồng nên bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Chị Huỳnh Thị Kim T2 không thừa nhận lời trình bày của bà Đồng Thị T1, chị không có hót phần hui này của chị TC mà chị hót phần hui của chị tham gia chơi, chị cũng không có mượn phần hui của chị TC.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đồng Thị T1 cho rằng bà TC không tham gia chơi hui, mà người chơi hui là chị Kim T2 và bà Đồng Thị T1 đã hót hui xong. Bà Đồng Thị T1 cung cấp chứng cứ là giấy nhận tiền của bà Kim T2, việc bà Đồng Thị T1 và bà Kim T2 thỏa thuận với nhau về việc bà Kim T2 mượn phần tiền hui của chị TC nhưng không được sự đồng ý của chị TC. Do đó, nếu bà Đồng Thị T1 và bà Kim T2 có tranh chấp thì có thể khởi kiện trong một vụ án khác. Bà Đồng Thị T1 kháng cáo nhưng không xuất trình thêm được tài liệu chứng cứ mới để chứng minh là giao xong tiền hót hui cho chị TC. Do đó, kháng cáo của bà Đồng Thị T1 là không có căn cứ, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bà Đồng Thị T1 là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308, Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đồng Thị T1, giữ nguyên quyết định của Bản án Dân sự sơ thẩm số: 27/2020/DS-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Căn cứ vào Điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 14, 21, 29, 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phùng; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Âu Thị Kim T (Đèo C) đòi bà Đồng Thị T1 và ông Huỳnh Văn T trả tiền nợ góp hụi.

2. Buộc bà Đồng Thị T1 và ông Huỳnh Văn T phải có nghĩa vụ lên đới trả cho chị Âu Thị Kim T (Đèo C) số tiền góp hụi là 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng).

3. Ghi nhận chị Âu Thị Kim T (Đèo C) không yêu cầu trả lãi suất của số tiền hụi nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đồng Thị T1 và ông Huỳnh Văn T được miễn nộp án phí.

Hoàn trả lại cho chị Âu Thị Kim T (Đèo C) 850.000 đồng (Tám trăm năm chục nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003537 ngày 09/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đồng Thị T1 được miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Phòng KTNV;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Phạm Kim Cửa

Huỳnh Ngọc Dũng

